



VẤN ĐỀ MA THUẬT, BÙA CHÚ TRONG CÁC PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO (KHẢO SÁT TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM)

Trần Thị Thanh Nhị*

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 07-12-2016; ngày phân biên đánh giá: 08-3-2017; ngày chấp nhận đăng: 25-5-2017

TÓM TẮT

Phân tích những nguyên lí, biểu hiện của ma thuật, bùa chú xuất hiện trong các phương thức dự báo ở văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam (VXTSTĐVN) có thể thấy chúng có mối liên hệ mật thiết và có vai trò quan trọng với các phương thức dự báo. Việc các nhà văn sử dụng các phương thức dự báo và các yếu tố phép thuật, bùa chú phản ánh khát vọng muốn biết trước tương lai, kéo gần hơn thế giới tâm linh huyền bí để khám phá những bí ẩn; muốn có khả năng phi thường hay những cách thức để giải quyết những vấn đề của cuộc sống.

Từ khóa: ma thuật, bùa chú, dự báo, Văn học trung đại Việt Nam.

ABSTRACT

Studying magic and incantation in foreseeing methods:

A survey based on Vietnamese Medieval narrative literature)

The analysis of principles and expression of magic and incantation in foreseeing methods in Vietnamese Medieval narrative literature shows that they are closely interrelated and have an important role in foreseeing methods. The fact that authors used foreseeing methods and magic, incantation reflects the desire to foresee future, getting closer to the occult spiritual worlds to explore mysteries, possessing supernatural abilities or methods to solve problems of life.

Keywords: magic, spells, divination, Vietnamese Medieval narrative literature.

1. Một vài vấn đề về lí thuyết

Dự báo là vấn đề thuộc về tri thức, nhận thức luận, thậm chí là triết học, có nguồn gốc từ sự quan sát tự nhiên. Người ta tin mọi vật, mọi sự việc của nhân gian là do thần linh quyết định, thần linh rất quan tâm đến hành vi con người, luôn ra chỉ thị để con người theo đó mà làm. Sùng bái tự nhiên, sùng bái tổ tem, sùng bái tổ tiên và sùng bái tôn thần ở thời đại viễn cổ phản ánh tư tưởng đó. Phổ biến là vu giáo

nguyên thủy (một thứ tín ngưỡng nguyên thủy, thông qua vu sư thầy phù thủy để giao tiếp với thần linh, nhằm chữa bệnh, trừ tai họa, cầu phúc), bất cứ hoạt động gì: săn bắn, xuất hành, cày cấy, gặt hái, dựng nhà, cúng tế, kết minh, chinh chiến, truyền ngôi, cưới gả, sinh con... đều quyết định trên cơ sở hỏi ý các thần. Theo quy luật phát triển tư duy thì thiên khải tương đối sớm, nhân vi là bổ sung vào mặt chưa đủ của thiên khải. Theo nghiên cứu, khảo sát

*Email: thanhnhidh@gmail.com

các phương thức dự báo trong văn hóa và trong VXTSTĐVN, chúng tôi chia dự báo thành ba nhóm: Nhóm 1, dự báo nhờ linh cảm, năng lực tiên tri; nhóm 2, dự báo thông qua các tiếp xúc với thế giới siêu nhiên (lên đồng, thánh, ma nhập..., được thần tiên báo mộng, gặp thần tiên trực tiếp...); nhóm 3, dự báo trên cơ sở phân tích các sự vật, hiện tượng tự nhiên, nhân tạo (xem điềm triệu, bói Dịch, xem tướng số, trạch cát...).

Mối liên hệ giữa các phương thức dự báo và ma thuật, bùa chú: Dự báo là vấn đề của tương lai, mà tương lai là điều bất khả tri ở thời điểm hiện tại, vì thế nó mang bản chất mơ hồ. Và bản thân các phương thức dự báo xuất phát từ huyền học đã mang bản chất huyền hoặc rất giống bản chất của ma thuật, bùa chú, phép thuật. Phép thuật được biết đến như ma thuật, ảo thuật, phép thuật là những hành vi thay đổi sự thật dựa ý muốn: “*Nó có thể điều khiển được diện mạo của sự thật qua một điều gì đó huyền bí hoặc qua quá trình được thần thánh hóa. Pháp thuật đã xuất hiện qua rất nhiều nền văn hóa trên thế giới, từ ngàn xưa nó được con người dùng để giải thích các hiện tượng con người không thể giải thích được*” (Jame F., 2007, tr.36). Một mặt cần ghi nhận là để biết được nội dung, kết quả đôi lúc người ta cần thực hiện một số hành động kì lạ, bí mật gắn với những sức mạnh siêu nhiên hoặc sử dụng những phương thuật riêng. Mặt khác, bản thân các phương thức dự báo cũng có tác dụng như một ma thuật giúp tạo ra kết quả là điều tốt lành, như một nhận định của Levy Bruhl đã gợi ý cho chúng ta: “*Những điềm báo*

trước có hiệu lực riêng. Chúng góp phần dẫn dắt điều mà chúng tiên đoán tới... Chúng không chỉ phát lộ một hành động có hại sắp được thực hiện hay đã được thực hiện ngay từ lúc này. Bản thân chúng đã thực hiện hành động ấy rồi” (Bruhl L., 2008, tr.98). Điều này một lần nữa được nhấn mạnh bởi A. Ja. Gurevich: “*Thông qua ma thuật, có thể trở về quá khứ, có thể tác động đến tiến triển tương lai của những biến cố. Có thể tiên đoán tương lai... và thấy tương lai trong giấc mộng (những giấc mộng tiên tri có một vai trò khá quan trọng trong những saga)*” (tr.105). Như vậy, trong bài viết này, chúng tôi đặt ra và giải quyết vấn đề là chỉ ra những nguyên lí, biểu hiện của ma thuật, bùa chú và vai trò của chúng trong các phương thức dự báo, từ đó đi đến kết luận là bên cạnh xuất phát từ tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và con người, chịu ảnh hưởng thuyết âm dương ngũ hành, quy luật thống nhất thông tin của vũ trụ thì các phương thức dự báo còn có đặc điểm chung là có mối liên hệ mật thiết với ma thuật, bùa chú nguyên thủy.

2. Nội dung

2.1. Những nguyên lí của ma thuật, phép thuật, bùa chú và biểu hiện của chúng trong những phương thức dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam

Nguyên lí thứ nhất đó là mọi vật giống nhau sẽ mời gọi vật đồng loại, hay là một hiệu quả sẽ tương tự như nguyên nhân của nó (Jame F., 2007, tr.38). Điều này được hiểu bằng việc bắt chước giản đơn, có thể làm nảy sinh mọi kết quả theo mong muốn. Nguyên lí này dựa trên việc “*kết hợp các ý tưởng bằng trạng thái giống*

nhau” theo quy luật tương đồng. Ta thấy trong VXTSTĐVN, các tác giả khi sử dụng những yếu tố dự báo như tiên tri, nhập thánh, phong thủy, tướng số, bói Dịch, tướng thuật, trạch cát, tử vi, điềm triệu, mộng... đều trực tiếp hay gián tiếp phản ánh vấn đề này.

Trong mọi thời đại, vận dụng trong việc muốn làm tổn thương hay hủy diệt kẻ thù, người ta làm bằng cách hủy diệt hình nhân thể mạng của kẻ thù ấy, hành động này trong tín ngưỡng cho rằng nỗi đớn đau của hình nhân thể mạng ấy sẽ mang tới nỗi đau đớn cho cá nhân kẻ thù và việc tiêu diệt hình nhân sẽ dẫn đến cái chết của cá nhân kia (Jame F., 2007, tr.38). Trong *Hoàng Lê nhất thống chí*, phương thức lên đồng tiếp xúc với thần linh dự báo tương lai có đề cập vấn đề đồng cốt và các phương thuật của nó, ngoài sự kiện: “*Trong nhà tâm miếu trên lăng Thịnh-phúc, tự dựng bao nhiêu đồ thờ bằng gỗ, bằng vàng hễ động tay vào là nát mủn như bùn. Viên giữ lăng miếu vội vàng gửi thư về kinh trình rõ việc biến*”. Sự kiện trên theo quan niệm của người trung đại xếp vào điềm tai biến vì thế để biết thái độ của thể lực siêu nhiên, người đã khuất, người ta có thể tiến hành nhiều cách dự đoán, một trong số đó là lên đồng tiếp xúc với thể giới siêu nhiên: Thái phi cho đòi cô đồng vào hỏi thì được biết vì Chúa thượng đã làm trái ý tiên vương, phạm tội bất hiếu có hai điều: Chúa vừa lên ngôi, đã ngờ Đặng thị làm bùa yểm trong tử cung, rồi tự ý cạy mở tử cung, thay đổi quần áo khâm liệm, khiến cho xương ngọc không yên. Hơn nữa, Đặng thị là người mà tiên vương yêu

dấu, bây giờ bị chúa làm cho tử nhục đủ đường, khiến vong linh tiên vương phải áy náy, tai biến sẽ còn nhiều nữa. Còn có một sự kiện liên quan đáng lưu tâm trước đó là: Có kẻ tố cáo với chúa, nói là vì Tiệp Dur (Dương Thị Ngọc Hoan) không được yêu sinh ra ghen ghét, mượn bọn đồng cốt chôn hình người gỗ trong cung để trấn yểm. Chúa cứ để mặc cho Thị Huệ làm chay làm bùa, tha hồ cúng lễ (Ngô Gia Văn Phái, Trần Nghĩa giới thiệu, 2006). Rõ ràng ở đây, phản ánh tư duy của người đương thời, ảnh hưởng ma thuật vi lượng, tin rằng những hình nhân bằng gỗ bị trấn yểm bùa có thể gây nguy hiểm cho con người. Đây là trường hợp hắc vu thuật (làm hại con người) liên quan đến đồng cốt (dự báo tiếp xúc với thể giới siêu nhiên) và thuật trấn yểm.

Nhiều người lầm tưởng ma thuật này chủ yếu hại người nhưng không phải, một nhánh của nó thậm chí liên quan đến thuật làm cho chóng sinh, dự báo về sinh nở. Trong truyện *Thần Tông hoàng đế* có kể về chi tiết ngày hoàng hậu lên giường cũ, mãi chưa sinh được, lòng vua lo lắng, chợt chiêm bao có người báo: hoàng tử còn ở chợ Báo Thiên, hậu cung sinh mau sao được. Tình dậy vua sai nội giám thử ra chợ ấy dò xem, thấy dưới gầm phản hàng thịt có lão ăn mày đang nằm ngắc ngoài chờ chết. Nội giám vội chạy về tâu. Vua lại cho người ra hỏi xem, đến gần sáng thì lão ăn mày chết. Một điều đáng lưu tâm, mặc dù không được nhà văn đưa vào nhưng người đọc có quyền mừng tượng và đặt câu hỏi là vào bối cảnh đương thời và trong một hoàn cảnh ngặt nghèo như vậy thì liệu

người ta có sử dụng một phương thức tác động nào để làm cho chóng sinh không? Văn bản không đề cập, nhưng phần sau, miêu tả những sự kiện diễn ra trong ngày sinh nhật vua cho phép người đọc hình dung ra một số phương thuật lúc hoàng hậu lên giường cũ: “*Hàng năm đến ngày ấy, nhà chức trách dựng hành tại ở chợ Báo Thiên; Bộ Lễ sắm xe giá tèn quạt, đến hành tại, rước hai cây thiên tuế, vạn tuế làm bằng trúc về cung; các quan ở tòa Kinh Diên lại rước hai cây ấy đi quanh giường ngự ba vòng, chúc Hoàng đế sống lâu muôn tuổi*” (*Thần tông Hoàng đế - Tang thương ngẫu lục*) (Trần Nghĩa, 1997, tập 2, tr.143).

Thuật làm cho chóng sinh còn được miêu tả trong *Truyện nữ thần Vân Cát*, Bà vợ Lê Thái Công đã quá kì sinh nở tự nhiên mắc bệnh nặng, cả ngày không ăn uống gì cả, chỉ thích hương hoa thơm mà thôi. Một đêm trung thu có người khách tự xưng có kế lạ phục rông trị hồ. Khi vào nhà, xem trong tay áo ông khách chỉ thấy một cái bùa ngọc, “*vị đạo nhân xoa tóc bước lên đàn, trong miệng đọc thần chú, lấy tay ném bùa ngọc xuống đất. Thái công liền bất tỉnh ngã ra thiếp đi. Trong mộng, Công thấy mấy người lực sĩ dẫn ông đi lên được một tầng, lại thấy cao thêm một tầng, sắc trời lờ mờ như bóng trăng nhạt*” (*Truyện nữ thần Vân Cát - Truyền kì tân phả*) (Trần Nghĩa, 1997, tập 1, tr.378-379). Hành động bước lên đàn, dùng bùa, đọc thần chú chắc chắn liên quan đến một nghi lễ bài bản, quy củ thời đó dành cho những ca sinh khó. Chi tiết “liền bất tỉnh ngã ra thiếp đi” của Thái Công để có một giấc mơ

lên thiên đình biết được nguồn gốc của người con sắp sinh, theo chúng tôi, có thể hiểu theo một khía cạnh khác, đó là để tác động cho việc sinh nở dễ dàng của người phụ nữ thì pháp sư sẽ tác động vào người chồng như sự gánh chịu những đau đớn...

Như vậy phép thuật trong hai trường hợp trên liên quan trực tiếp đến dự báo về sinh nở (dự báo qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên, trường hợp mộng).

Phần nhiều trường hợp vận dụng nguyên lí này không phải để làm hại mà cứu giúp người, thông qua ngôn ngữ dự báo như một ma thuật để chữa bệnh và báo tương lai tốt đẹp. Nhiều trường hợp không để hại người mà ma thuật vi lượng gắn với dự báo giúp chữa trị bệnh. Quý Kính bị bệnh mãi không khỏi bèn nhờ thầy số xem giúp, thầy phán: “*Tháng giêng mùa xuân năm tới, trời sẽ đem việc lớn của thiên hạ kí thác cho ông, làm sao mà chết được*”. Người thầy số không chỉ phán truyền mà còn làm một việc mang tính ma thuật rất rõ, dùng chữ viết đề vào trong số cục (từ vi) tám chữ “*Cán truyền tạo hóa, trụ thạch càn khôn*”, quả nhiên bệnh khỏi (*Cổ quái bốc sư truyện*). Như vậy, việc dự báo không chỉ dừng lại ở hành vi thông báo tương lai, mà việc viết chữ cũng góp phần làm cho dự báo trở thành hiện thực. Việc viết chữ thể hiện tính ma thuật vì nó truyền năng lượng, ý chí, suy nghĩ của người viết cho người nhận. Chi tiết tương tự cũng được lặp lại trong truyện *Thám hoa thượng thư trí sĩ cảm quận công Nguyễn Thọ Xuân*, một người bạn ông ốm đã lâu, Nguyễn Thọ Xuân đến thăm rồi viết câu đối lên vách rằng: Phùng Khứ Tật, Hoắc

Khử Bệnh, tật bệnh khử trừ/ Hàn Diên Thọ, Đỗ Diên Niên, thọ niên diên vĩnh (Ông Phùng Khử tật, Ông Hoắc Khử bệnh, tật bệnh khử trừ/ Ông Hàn Diên Thọ, thọ niên diên vĩnh). Quả nhiên bạn ông khỏi bệnh và được sống lâu. Câu đối của ông có thể gọi là thần bút linh nghiệm (*Thám hoa thượng thư trí sĩ cảm quận công Nguyễn Thọ Xuân - Công dư tiếp kí tục biên*) (Trần Nghĩa, 1997, tập 1, tr.602). Đây là một ví dụ rất tiêu biểu của phương thức dự báo nhóm 1 tiên tri và nhóm 3 thông qua phân tích các hiện tượng tự nhiên và nhân tạo, trường hợp tử vi.

Cũng trong việc chữa bệnh, một trong những phương pháp phổ biến là dùng con vật truyền năng lượng cho con người (người ta tin rằng các con vật có phẩm chất hoặc những đặc tính giúp ích con người) và ma thuật vi lượng hay ma thuật bắt chước tìm cách truyền thụ, bằng nhiều cách khác nhau những phẩm chất ấy sang con người. Nhiều khi người ta tin rằng các con vật có những phẩm chất hoặc những đặc tính giúp ích cho con người. Ông Hoàng Đình Chính bị bệnh sắp chết, được mỹ nhân trong mộng là vợ kiếp trước của ông cho người biểu cá và chim ăn chữa bệnh. Quả nhiên, sớm mai ông thấy dân xã Lỗ Khê dâng vịt le và chim sẻ vàng; thuyền ra đến giữa dòng, thấy có cá nhảy lên thuyền, ăn những thức ấy bệnh tự nhiên khỏi (*Thần hồ Động Đình – Vũ trung tùy bút*) (Trần Nghĩa, 1997, tập 2, tr.135-136). Cá và chim ở đây đây nếu chỉ nghĩ đơn giản là một phương thuốc trị bệnh thì e rằng quá đơn giản, đằng sau đó, sâu xa hơn là một ma thuật chữa bệnh, dùng sức mạnh, thuộc tính, hành trạng của

con vật để truyền cho con người: chim bay cá nhảy.

Một trong những cách chữa bệnh đậm chất ma thuật nữa là: “*Một trong những lợi thế lớn của mình, ma thuật vi lượng cho phép việc thực hiện việc chữa trị bệnh trên con người ông thầy chữa bệnh, thay thế cho người bệnh, người này do tránh khỏi mọi phiền phức và khó chịu có thể ngắm nhìn ông thầy của mình, đang lăn lộn và đau đớn trước mặt mình*” (Trần Nghĩa, 1997, tập 1, tr.43). Vua Lê Thần Tông mắc bệnh lạ dùng bùa thuốc trong mấy năm không đỡ. Tổ sư Trần Lộc chữa bệnh bằng cách “đắm tay vào ngực mà niệm chú” và kết quả là hơn một tháng thượng hoàng khỏi bệnh (*Nội đạo tràng – Tang thương ngẫu lục*). Người thầy thuốc (cũng là pháp sư lừng danh) đã chữa trị cho bệnh nhân không phải bằng thuốc cụ thể mà thực hiện một hành vi ma thuật tác động vào chính thân thể của mình để chữa bệnh cứu người. Phép thuật chữa bệnh nói trên gắn với dự báo thông qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên.

Một biểu hiện rõ nét của nguyên lí *mọi vật giống nhau sẽ mời gọi vật đồng loại, hay là một hiệu quả sẽ tương tự như nguyên nhân của nó* gắn với các phương thức dự báo có sự tương thông rõ rệt với thần linh là vấn đề đảo vũ cầu mưa. Trong *Chuyện Man nương*, Sư Đồ Lê gửi đứa con gái của Man Nương vào cây và có lời tiên tri: “*Ta gửi đứa con này của Phật cho người giữ lá, rồi sẽ danh thành Phật đạo*”. Sau này đoạn cây nơi đặt đứa con gái đã hóa thành một tảng đá rất rắn, riu búa của thợ đều mẻ hết. Dem vớt xuống vực

sâu, tảng đá bỗng phát ra những tia sáng rực rỡ, một chốc lâu mới chìm. Cả bọn thợ đều ngã ra chết. Mìri Man Nương đến khẩn vái, rồi nhờ dân chài đến vớt lên vào điện Phật, mạ vàng để phụng thờ. Sư Đồ Lê bèn đặt tên cho bốn pho tượng Phật là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Người bốn phương tới đây cầu mưa, không lúc nào không ứng nghiệm (*Truyện Man Nương – Lĩnh Nam chích quái liệt truyện*) (Trần Nghĩa, 1997, tập 1, tr.178-179). Việc cầu mưa qua một hòn đá thì nhiều tài liệu đã đề cập và lí giải dưới nhiều khía cạnh. Nhưng theo ý kiến của chúng tôi, không thể không suy nghĩ đến một hướng lí giải liên quan đến văn hóa ma thuật nguyên thủy bản địa gắn với việc sử dụng một số vật đặc trưng với những phẩm chất đặc biệt (như đá...) để tác động vào thần linh tương ứng. Hồ Quý Ly từng ra một câu đối cho Hồ Nguyên Trừng: “*Hòn đá lạ bằng nắm tay, gặp dịp sẽ làm mây làm mưa để thấm nhuần dân chúng*”. Qua đây có thể thấy, vào thế kỉ XV, ở phương diện triều đình vẫn tiến hành cầu mưa qua một hòn đá (hòn đá chứ không phải là ông Phật mang tên Thạch Quang Phật).

Sự ứng dụng của ma thuật vi lượng còn liên quan đến chuyện đất đai phong thủy, tác giả James George Frazer trong tác phẩm lừng danh *Cành vàng* đã dẫn ra một ví dụ thú vị: người ta thấy được một vận dụng khác của câu châm ngôn “*Cái tương đồng làm nảy sinh cái tương đồng*” trong tín ngưỡng của người Trung Quốc, cho rằng số mệnh của một thành phố rất gắn chặt với hình thù của nó và số mệnh đó phải thay đổi tùy theo tính chất thứ đồ vật

mà nó giống nhất. Chính vì thế mà người ta kể lại rằng xưa kia thành phố Tsuen-cheu-fu vốn có đường bao quanh rất giống hình con cá chép đã thường xuyên làm mối cho những trận cướp phá của thành phố láng giềng, Yung-chun, hình thù như một tấm lưới đánh cá; một hôm những cư dân của thành phố thứ nhất có sáng kiến xây dựng tại đó hai ngôi chùa cao, ngày nay vẫn còn sừng sững ở trung tâm thành phố. Một ảnh hưởng hết sức may mắn đã tác động đến bộ phận thành phố, do ngôi chùa đã chặn đứng tấm lưới tương tượng của người láng giềng, trước khi nó rơi xuống và chụp lấy con cá chép tương tượng trong các mắt lưới của nó. Cách nhìn nhận và lí giải này có sự tương đồng với các nhà văn trung đại Việt Nam, nơi ở ảnh hưởng, tác động đến vận số con người. Tương truyền mộ tổ nhà Thám hoa Đình Lưu ở cạnh núi Thần Đồng, núi này hình dáng giống quả cầu cho nên ông đá cầu rất giỏi (*Thám hoa Đình Lưu – Công dư tiệp kí tục biên*). Thầy địa lí dẫn Trâu Canh đến chỗ cóc tía bên cạnh núi, khen chỗ đất này rất đẹp, nếu làm nhà ở thì tất được giàu sang. Và khuyên khi đã được gần vua chúa rồi, phải dời nhà đi chỗ khác ngay, chứ không nên ở lại, dù chỉ một ngày vì: “*Chỗ ông ở phía trước có mấy mẫu ruộng cao hình giống chiếc bàn dao cắt thuốc, cho nên nổi tiếng về nghề làm thuốc. Nhà ở cạnh núi, mỗi khi có mặt trăng tà chiếu, bóng núi đổ xuống trông như con cóc ở trên nóc nhà, còn người thì ngồi tại cung trăng, cho nên được gần vua chúa, ra vào nơi cung cấm. Chỉ hiềm nhà ở cạnh núi, địa điểm hơi bức bách, phía trước lại hướng về kiếp sơn, đi lại vô định*”

cho nên giàu sang không được lâu” (Chuyện Trâu Canh ở xã Tử Trâm – Công dư tiệp kí) (Trần Nghĩa, 1997, tập 1, tr.562).

Nguyên lí thứ hai, đó là những sự vật đã từng có một lần tiếp xúc với nhau, tiếp tục tác động lẫn nhau, kể cả khi cuộc tiếp xúc đó đã kết thúc, đến mức mọi việc người ta tác động đến cái này cũng sẽ tác động lên cái kia (Trần Nghĩa, 1997, tập 1, tr.73). Từ đó có thể kết luận rằng: việc có thể tác động lên một đối tượng vật chất sẽ cũng tác động cả lên con người mà đối tượng vật chất ấy đã có một lần tiếp xúc, rằng đối tượng ấy đã hoặc có hoặc không hình thành một bộ phận cơ thể của con người ấy. Ma thuật này dựa vào sự kết hợp các ý tưởng bằng trạng thái gần gũi kề cận, và nguyên lí thứ hai là quy luật của tiếp xúc hay là của sự lây truyền. Nếu nguyên lí thứ nhất là quy luật tương đồng và nguyên lí thứ hai là quy luật của tiếp xúc. Điều này thấy rất rõ trong nhiều tác phẩm khác, nhất là kiểu truyện được thần linh ban cho vật báu (mang thuộc tính thần linh, có phép màu) điềm báo cho chiến thắng, sự thay đổi vận mệnh.

Nước có một sự ám ảnh lớn, ta thấy trong rất nhiều tác phẩm các tác giả đã xây dựng chi tiết để nhân vật trên cạn có thể hoạt động dưới nước như người thủy phủ nhờ được truyền phép lạ: Truyện *Dị nhân làng Hạ Bì* (Công dư tiệp kí), thấy trâu chạy xuống biển để rơi bìu lông lại, dị nhân cho là vật thiêng, lấy mà nuốt. Từ đó sức khỏe phi thường, lặn xuống biển mà như đi trên đất bằng, sau đục thuyền của giặc phương Bắc. Chiếc lông trâu đã truyền

năng lượng ma thuật cho dị nhân để từ đó có được khả năng đi dưới nước. Nàng Ngọa Vân trước lúc từ biệt chồng “nhả một điềm rãi trắng to”, đem nó “hòa với nước mặn mà uống thì xuống nước không chìm, không bao giờ bị nạn chết đuối” (Truyện lạ nhà thuyền chài – Thánh Tông di thảo). Như vậy, khi nhận được vật báu mang phép thuật, con người sẽ sở hữu một số khả năng như thần linh. Và ngay cả khi thần linh không còn ở bên cạnh con người. Ròng vàng “tháo móng chân” cho Triệu Việt vương, chỉ cần mang móng chân đó cài lên mũ đầu mâu, quân giặc trông thấy, tự nhiên sẽ khiếp sợ (Triệu Việt vương và Lý Nam Đế - Việt điện u linh tập). Khi An Dương Vương bị giặc đuổi đến bờ biển, Rùa vàng đưa nhà vua “sừng tê bảy tấc”, giúp vua rẽ nước vào thủy cung (Truyện rùa vàng – Lĩnh Nam chích quái). Móng chân của rồng và sừng tê là một dạng vật thiêng mang năng lượng, sức mạnh thần bí giúp cho nhân vật mang nó có sức mạnh như chính chủ nhân của vật (sức mạnh của rồng và khả năng đi dưới nước).

Tiên Lã Động Tân, một trong bát tiên của Đạo giáo, trong tiểu thuyết, trong hí khúc và trong những câu chuyện Bát tiên truyền thuyết dân gian, phần nhiều cũng lấy Lữ Động Tân làm trung tâm, biểu hiện Lữ Động Tân là một vị thần tiên múa kiếm, uống rượu, làm thơ, hiếu sắc đậm nhân tình. Vị tiên này gặp Hà Ô Lôi sau khi nghe nguyện vọng muốn được thanh sắc đã nhỏ nước bọt vào mồm Hà Ô Lôi và phán: “Thanh sắc của ngươi sẽ được và mất ngang nhau, tên tuổi của ngươi sẽ lưu tại cõi thế” (Trần Nghĩa, 1997, tập 1, tr.181).

Hành động nhỏ nước bọt vào mồm rõ ràng là một hành động mang đậm chất ma thuật, truyền khả năng đặc biệt cho người nhân. Quả nhiên sau đó Ô Lô tuy không biết chữ nhưng thông minh nhanh nhẹn, mồm mép hơn người, từ chương thi phú, hát ca ngâm ngợi, cợt gió đùa trăng du dương theo mây bông, ai cũng thích nghe và “lập được công lớn” cho vua là chinh phục được nàng quận chúa khó tính (*Truyện Hà Ô Lô – Lĩnh Nam chích quái*).

2.2 Bùa chú hoặc các pháp cụ hỗ trợ dự báo

Ở phần này, chúng tôi chỉ làm rõ một số trường hợp tiêu biểu, có sự lặp lại với tần suất lớn. Thứ nhất là trường hợp gậy. Theo Jean C., Gheerborant A. (2002), trong ý nghĩa biểu tượng văn hóa thế giới thì gậy xuất hiện trong hệ biểu tượng dưới nhiều dáng vẻ, nhưng chủ yếu như một vũ khí, và trước hết như là một vũ khí ma thuật... Gậy với các nhà sư là biểu tượng của trạng thái tu hành và vũ khí trừ tà; nó xua đuổi những ảnh hưởng độc hại, giải thoát những âm hồn khỏi địa ngục, thuần hóa những con rồng và làm khơi chảy những nguồn nước. Ở người Trung Hoa cổ đại, cái gậy và nhất là gậy làm bằng gỗ cây đào có vai trò quan trọng: vào dịp Nguyên Đán người ta dùng gậy để xua đuổi những ảnh hưởng xấu hại. Ý nghĩa của gậy còn liên quan đến ý nghĩa biểu trưng của lửa và nước: làm mưa, làm cho mạch nước ngầm tuôn chảy... cái gậy tượng trưng cho sức sống con người, sự tái sinh và sự phục sinh (tr.349- 350). Gậy xuất hiện trong nhiều tác phẩm như: *Thiền uyển tập anh* kể về Thiền sư Tịnh Giới “Trong lúc đi các nơi quỳên

mộ để đúc chuông làm trống, có khi trời kéo mây đen sắp mưa, sư đứng giữa sân gió gậy trùng mắt nhìn lên, chỉ trong chốc lát mây tan, mặt trời lại xuất hiện” (*Thiền sư Tịnh Giới*). Sư cụ Pháp Vân trong *Đào thị nghiệp oan kí (Truyện kì mạn lục)*: dựng một đàn tràng ngay ở trên núi, treo đèn bốn mặt và lấy bút son vẽ bùa dầu. Ước một trống canh thì có đám mây đen mười trượng vây xung quanh đàn, một cơn gió lạnh thổi làm cho người phải ghê rợn. Sư cụ cầm cây tích trượng chỉ huy tả hữu, có lúc lại ra khỏi đàn làm bộ quát mắng. Cụ già khoác áo trắng, chống gậy sắt, mắng Huệ rằng: “Ông cha người sinh ra trên đất Nguyễn chúa, đời đời là dân của Nguyễn chúa, sao người dám phạm đến lăng tẩm?”. Nói đoạn cụ già cầm gậy đánh vào thái dương Huệ. Huệ xây xẩm ngã vật xuống, hồi lâu mới tỉnh (*Hoàng Việt hưng long chí*). *Truyện đằm Nhất Dạ Trạch (Lĩnh Nam chích quái)*, nhà sư tặng cho Đồng Tử một cái gậy và một cái nón và bảo linh thông tại đây đó. Khi Đồng Tử cầm gậy và để nón lên thì hiện ra nhà cửa lâu đài, thành quách. *Truyện Man Nương (Lĩnh Nam chích quái liệt truyện)*, Sư Đồ-Lê cho Man Nương một chiếc gậy và bảo rằng: hễ năm nào gặp đại hạn thì lấy gậy vẩy vẩy dưới đất, tự nhiên có nước chảy ra để cứu người ta. Gặp năm trời hạn, nàng đem gậy vẩy trên đất, tự nhiên có nước suối chảy ra ào ào, dân chúng được nhờ và rất nhiều. Từ Đạo Hạnh thường ngày đọc kinh Đại bi đà la, đọc trọn mười vạn tám nghìn lần. Một hôm thấy thần nhân đến trước mặt nói rằng: “Đệ tử tức là Trần Thiên Vương cảm phục thầy có công đức to

lớn kiên trì tụng kinh nên đến đây để thấy sai khiến". Lộ biết đạo thánh đã thành, thù cha có thể rửa, bèn thân đến cầu An Quyết, cầm cây gậy ở tay thử ném xuống dòng nước chảy xiết, gậy đi ngược dòng đến cầu Tây Dương thì dừng lại. Lộ mừng mà nói rằng: "*Phép của ta thắng được Đại Diên rồi*" (*Truyện Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không – Lĩnh Nam chích quái*). *Chuyện tiên Phạm Viên (Nam thiên trân dị tập)*, Phạm Viên cho người ăn mày một cái gậy nói: khi đến nơi hoặc đến chợ nào, cứ cầm cây gậy này cạnh lối đi, người ta nom thấy ắt sẽ treo tiền trên đầu gậy, đủ 100 đồng thì thôi, cứ hãy đi nơi khác... Được ba năm, người ăn mày chết, chiếc gậy cũng biến mất. Gậy, tích tượng trong hàng loạt ví dụ được kể trên cho thấy sức mạnh, sự đặc đạo của quá trình tu luyện của nhân vật.

Trường hợp thứ 2: *Bùa và các pháp cụ khác*. Bùa được xem như vật có hiện hiện hoặc tàng trữ một sức mạnh thần diệu, nó thực hiện cái mà nó biểu trưng, một mối quan hệ đặc biệt giữa người mang nó với những sức mạnh mà nó biểu thị. Nó cố định và tập trung mọi sức mạnh... hoạt động ở mọi phương diện vũ trụ... nó đặt con người vào trung tâm sức mạnh ấy, làm tăng sinh lực của nó, làm cho nó trở nên hữu thực hơn, đảm bảo cho nó một số phận tốt nhất sau khi chết (Jean C., Gheerborant A., 2002, tr.109). An Dương Vương xây dựng Loa Thành, thành xây xong lại đổ, sau nhờ thần Rùa vàng báo có yêu quái ẩn nấp trong thành, vua mới rõ nguồn cơn: Có yêu quái ở chốn này/ Nó thì trên gờ chốn này vậy song/ Ông Quán hiệu là Ngô

Không/ Có đôi gà trắng nuôi trong thường
lề/ Dầu vua giết được bạch kê/ Làm bùa
yểm dưới vậy thì thành nên (*Việt sử diễn
âm*). Ở câu chuyện trên, thần Rùa vàng vừa
mách bảo cho vua căn nguyên của việc đổ
thành vừa dặn dò cả việc làm "bùa yểm" –
một phương thức thường được sử dụng cho
việc diệt trừ yêu quái. Ông Võ Công Trán
trợ học gần miếu yêu tinh, một hôm yêu
tinh hiện thành một cô gái đến trêu đùa
ông, ông bèn cầm bút viết đùa ở khoảng
không hai chữ "tróc phọc" rồi ôm lấy. Vừa
ôm thì bỗng không trông thấy gì cả, nhưng
buông tay ra thì thấy vẫn ngồi ở đấy. Bấy
giờ mới biết là một yêu nữ. Cô ta ngồi lặng
lúc lâu, không thể đi được, kêu van ông tha
cho. Ông nhất định không nghe. Ông nhận
lời rồi viết vào khoảng không một chữ
"giải". Cô ta thoát biến mất (*Ông Võ Công
Trán – Tang thương ngẫu lục*). Hành động
viết chữ trên không trung của nhân vật kể
trên là một trong những cách thực hành
hành động có tính phép thuật, xuất hiện
trong Mật tông và các tín ngưỡng đạo giáo
phù thủy dân gian, đây là hành động vẽ
bùa.

Ngoài ra, tùy vào sự tu luyện của mỗi
pháp sư mà mỗi người có một loại pháp cụ
làm phép riêng như Đạo sĩ trong *Truyện Lí
Tướng quân (Truyện kì mạn lục)* dùng
chùm hạt châu nhỏ để Lý tướng quân thấy
trong đó có lò lửa, vạc sôi, bên cạnh có
những người đầu quý ghê gớm, hoặc cầm
thừng chĩa, hoặc cầm dao cưa, mình thì
đương bị gông xiềng, bò khúm núm ở bên
vạc dầu, lấm lét sợ toát mồ hôi. Dị nhân
giờ trong bọc ra đưa cho Ngọc Liên một
cái ví bằng giấy, thấy một cái kính vỡ làm

hai mảnh, một bên viết chữ Lê, một bên viết chữ Mạc... thấy chữ Lê cứ đậm đậm mà to dần ra, chữ Mạc cứ nhạt nhạt mà nhỏ dần đi (Nguyễn Kính – Vũ trung tùy bút). Đạo nhân dùng cái Cái bùa ngọc để đưa Thái ông vào mộng lên thiên đình biết nguồn gốc của Giáng tiên (Truyện nữ thần ở Vân Cát – Truyện kì tân phả).

Những trường hợp này chủ yếu liên quan trực tiếp đến phương thức dự báo thông qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên (cả trực tiếp ngoài đời và gặp thần tiên trong mộng) và tiên tri thay vì phân tích các hiện tượng tự nhiên, nhân tạo. Điều này cũng dễ hiểu vì chúng thường liên quan đến nhóm nhân vật thiên sư hoặc các đạo sĩ đạt đạo, có phép thuật cao nên có khả năng tiên tri biết trước sự việc hoặc có thể thông linh với thế giới siêu nhiên để biết mệnh trời.

2.3. Dự báo và những cấm kỵ, trấn yểm phá hủy

Ma thuật, phép thuật bùa chú có chung nguyên lí là truyền năng lượng đến một đối tượng nhằm đạt một kết quả nào đó theo mục đích định sẵn. Có những trường hợp sử dụng việc tác động, lây truyền, tiếp xúc nhưng có nhiều trường hợp để ngăn cản sự tác động, lây truyền đó người ta phải dùng những cách trấn yểm để kìm hãm hoặc phá hủy nó. Theo Jame F. (2007), công cụ để trấn phá thường liên quan đến sắt: “*Những cấm kỵ đối với sắt: nỗi ghê sợ của thần linh đối với sắt – người ta già định như vậy – mạnh đến nỗi các thần linh không dám đến gần con người hay những đồ vật được bảo vệ bởi thứ kim khí có hại đó, như vậy là người ta có thể sử*

dụng đồ sắt để xua đuổi ma quỷ và các thần linh nguy hiểm khác. Vì vậy trên vùng thượng du xứ Escosse, phương tiện quan trọng để phòng vệ chống lại quỷ thần đó là đồ sắt và tốt hơn nữa, chất thép. Kim khí, cho dù dưới hình thái gì, thanh kiếm, lưỡi dao, nòng súng... đều mang lại hiệu quả hết sức mạnh mẽ” (tr.369).

Khảo sát những tác phẩm trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam ta thấy để ngăn cản, trấn yểm, kìm giữ hay phá hoại người ta thường dùng đến kim loại, phổ biến nhất là sắt, đặc biệt là sắt đã được đúc thành những vật có ý nghĩa thực và tượng trưng cao như gươm, búa, vòng sắt... càng có tác dụng ma thuật. Hiểu đúng bản chất của phong thủy có thể thấy đó là một dạng ma thuật vi lượng, dùng năng lượng lây truyền từ thiên nhiên để tác động vào cuộc sống con người. Trong phong thủy rất quan trọng chuyện tìm long mạch. Long mạch là mạch đất bên trong có chứa khí mạch, giống như trong cành cây có chứa nhựa cây, nó có thể chạy qua những dãy đồi núi cao, cũng có thể đi rất thấp, luồn qua sông qua suối, thậm chí qua biển, rồi đột ngột nhô lên với những thó đất lấm khi uốn lượn sà sà trên mặt ruộng như hình con rồng đang cuộn mình vươn tới để ôm chầu vào một huyệt đất nào đó (gọi là long nhập thủ). Nơi đó có thể hạ huyệt chôn cất, hoặc cải táng mồ mả cha ông để con cháu đời sau phát vương, phát tướng, phát trạng, phát tài lộc phú quý. Trong truyện *Đình Tiên Hoàng kí (Công dư tiệp kí)*, Đình Tiên Hoàng lừa người khách Tàu để lấy được ngôi huyệt quý hình con ngựa dưới đáy đầm. Để phá huyệt, người khách Tàu tặng

một thanh gương, đem xuống treo ở cổ ngựa với lời giải thích lừa mị nhưng nghe có vẻ có lí là để Đỉnh Tiên Hoàng sẽ được dọc ngang trời đất, đánh đâu được đấy. Rõ ràng đây là một dạng ma thuật phá hoại, vì nhờ đặt tiên phần trong mồm ngựa mà Đỉnh Tiên Hoàng làm nên nghiệp lớn. Đặt kiếm sắt treo cạnh cổ ngựa khác nào trăm mã, làm ngôi mộ hết thiêng. Vì thế mà sau này Đỉnh Tiên Hoàng và con bị ám hại.

Cao Biền từng đi khắp các nơi núi non sông biển nước ta xem những nơi nào có vượng khí linh thiêng thì tìm cách cất yểm đi, ý là muốn cướp đoạt nước Nam ta. Cao Biền thấy trên núi có khí thiêng bèn đào hào phía sau chân núi để cắt mạch, khiến cho linh thiêng về sau không cự tụ được (*Nam triều công nghiệp diễn chí*). Đào hào không chỉ cắt mạch mà ở đây là có sự tác động của kim khí, và chắc chắn tuy không được ghi chép nhưng thường bao giờ cũng đi liền với trấn yểm sắt trong đất để trấn linh khí. Vì thế, trong *Lĩnh nam chích quái* truyện *Thần núi Tản Viên* có chi tiết thể hiện ma thuật trấn yểm rất rõ (của một bậc thầy pháp sư lừng lẫy Cao Biền): “Ở những nơi có linh khí mạnh Biền còn dựng đền, đắp tượng thờ, rồi lấy đồng sắt chôn để trấn áp” (*Quảng lợi thánh hựu uy tế phu ứng đại vương*). Biền còn mổ bụng mười bảy người, tất cả đều là con gái chưa chồng, bỏ ruột đi, lấy cỏ chi độn vào ruột, cho mặc xiêm áo để ngồi trên ghế ý, dùng trâu bò mà tế, nhằm lúc nào thấy cử động thì lấy gương chém đi. Phạm muốn đánh lừa các thần đều dùng thuật ấy. Cao Biền thường lấy thuật ấy trên thần núi Tản Viên thì thấy vương cưỡi ngựa trắng đứng trên

mây, khắc nhô mà đi (*Thần núi Tản Viên – Lĩnh Nam chích quái*). Sau này, một bậc hậu sinh của Cao Biền khi sang nước Nam tìm được huyết đất quý để vương giao cho họ Trần đã làm một bản giao kèo. Cuối đời thì vua Trần đổi đai kềm tử tế bèn đem di thư để lại đưa cho vua Trần xem sấm thư nói ngôi mộ phát tích ở Thái Đường nay sắp hết thịnh, cần phải khơi thông thủy đạo, thì mới giữ được lâu dài. Vua Trần tin lời ấy, bèn chiếu theo họa đồ ở sấm thư đào một thủy đạo từ sông Cái xã Phú Xuân đi vào, quanh đến xã Thái Đường. Không ngờ đào đứt long mạch, họ Trần bèn suy, rồi bị Xích thủy hầu thoán đoạt (*Truyện mộ tổ nhà Trần – Công dư tiệp kí*). Chi tiết này ta cũng thấy lặp lại trong truyện *Nguyễn Xí (Nam thiên tân dị tập)*, Thánh Tông ghen ghét Nguyễn Xí, sai thầy địa lí về Sái Xá khai con sông cấm để đứt long mạch, thân long chảy máu ba ngày, năm viên trung úy đều đột ngột chết cùng một lúc. Từ đó con cháu sa sút dần. *Truyện quan thái thú ở Diễn Châu (Thỉnh văn dị lục)* cũng có một chi tiết sử dụng ma thuật liên quan đến sắt là để giữ một thần linh người trời thì phải có vòng sắt cùm lại. Người cha mộng thấy thần nhân bảo: ngày mai cho người lười búa tầm sét. Tháng sau hễ sinh con trai thì dùng miếng sắt cùm chân nó lại. Người cha không hiểu hết ý thần nhân là dùng vòng sắt để giữ người con ở trần gian nên năm 17 tuổi bèn bẻ hai cái vòng sắt ấy đi, người con là Kim Tích tự nhiên lăn quay ra chết. Ngay tên nhân vật Kim Tích (Kim: sắt, tích: tích tụ) có nghĩa người con được sắt cầm giữ lại, mất cái vòng sắt nên người con cũng về trời. Những hiện tượng trấn

yếm phá hoại trên chủ yếu gắn với phương thức dự báo phân tích các hiện tượng tự nhiên, nhân tạo, trường hợp phong thủy.

3. Chung cục và gợi dẫn

Như vậy, qua phân tích chúng ta có thể thấy ma thuật, phép thuật, bùa chú có mối liên hệ mật thiết và có vai trò quan trọng với các phương thức dự báo, có lúc nó là một phần của các phương thức dự báo, có khi là một phương tiện để tiến hành dự báo và đưa dự báo đến kết quả. Phép thuật bùa chú xuất hiện nhiều nhất trong nhóm dự báo thông qua tiên tri và tiếp xúc với thế giới siêu nhiên còn ít hơn ở nhóm dự báo thông qua phân tích các hiện tượng tự nhiên, nhân tạo. Điều này cũng tương đối dễ lí giải vì hai nhóm đầu liên quan đến thế giới siêu nhiên nhiều hơn, còn nhóm thứ 3 thì chủ yếu dựa trên duy lí, phân tích của con người. Việc sử dụng các phương thức dự báo và các yếu tố phép thuật, bùa chú phản ánh khao khát, nguyện vọng của con người muốn biết trước tương lai, kéo gần hơn thế giới tâm linh huyền bí để khám phá những bí ẩn, muốn có những khả năng phi thường hay những cách thức để giải quyết những vấn đề của cuộc sống. Vì thế, tuy nói đến những vấn đề có phần hoang đường (trong tiếp nhận người hiện đại) nhưng các nhà văn trung đại đã phần nào

phản ánh nhận thức hiện thực đương thời. Vấn đề này được nhà nghiên cứu Lê Thu Yến (2014) khẳng định: “Văn học trung đại cũng không ngại đưa vào tác phẩm của mình yếu tố phép thuật vốn là nét đặc trưng riêng của văn học dân gian. Phép thuật đi cùng với các nhân vật thần linh cũng như những người bình thường nhưng có được sự trợ giúp của đấng quyền năng nên họ cũng có khả năng hô phong hoán vũ. Tất cả họ đều có khả năng di chuyển cũng như vượt qua ranh giới ngăn cách của các không gian. Họ có thể đi lại trên không trung, có thể đi từ trần gian xuống âm phủ, thủy phủ, đi xuống nước, bước vào lửa... Họ có thể hô mưa gọi gió, làm nên sấm sét, có thể lập đàn tràng yểm bùa, trừ yêu quái, chữa bệnh trừ tà, có thể làm vật hóa thành người, người hóa thành vật. Lãnh địa này vốn thuộc về các loại truyện dân gian như thần thoại, truyền thuyết, cổ tích... nhưng văn học trung đại cũng không ngại kế thừa, mặc khác còn kéo nó về gần với hiện thực làm cho câu chuyện tự nhiên hơn như vốn nó là thực” (tr.10). Từ đây gợi dẫn cho chúng ta suy nghĩ nên chẳng có thể đặt vấn đề nghiên cứu này vào trong dòng chảy văn học nước nhà từ dân gian đến hiện đại để có thể khám phá chiều sâu văn hoá dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bruhl, L. (2008). Kinh nghiệm thần bí và biểu tượng ở người nguyên thủy. Ngô Bình Lâm dịch. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*. Hà Nội: NXB Thế giới.
- Nguyễn Khoa Chiêm. (2003). *Nam triều công nghiệp điển chí*. Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga giới thiệu. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn. tr.564.
- Gurevich, A. (1996). *Các phạm trù văn hóa trung cổ*. Hoàng Ngọc Hiến dịch. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Jame, F. (2007). *Cành Vàng, bách khoa thư về văn hóa nguyên thủy*. Ngô Bình Lâm dịch. Hà Nội: NXB Lao động.
- Jean, C., Gheerborant, A. (2002). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*. Phạm Vĩnh Cư (chủ biên) và cộng sự dịch. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng.
- Trần Nghĩa. (1997). *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*. Tập 1, 2, 3, 4. Hà Nội: NXB Thế giới.
- Ngô Gia Văn Phái. (2006). *Hoàng Lê nhất thống chí*. Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch dịch, Trần Nghĩa giới thiệu. Hà Nội: NXB Văn học.
- Tạ Chí Đại Trường. (2006). *Thần, người và đất Việt*. Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.
- Lê Mạnh Thát. (1999). *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*. TPHCM: NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- Khuyết danh. (2005). *Việt sử lược*. Trần Quốc Vượng dịch và chú giải. Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây. Huế: NXB Thuận Hóa.
- Lê Thu Yến. (2014). Giá trị hiện thực của yếu tố tâm linh trong văn học trung đại. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 4.